

Bản án số: 528/2019/HS-PT
Ngày: 17 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 704/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Hồ Văn K do có kháng cáo của bị cáo Hồ Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

Hồ Văn K , tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Là Đảng viên nhưng đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông: Hồ Văn T , sinh năm 1935 (còn sống) và bà: Huỳnh Thị N , sinh năm 1939 (còn sống); Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 07 anh em; Vợ tên: Nguyễn Thị Á C , sinh năm 1968; Có 02 con, sinh năm 1992 và sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 28/7/2016; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Hồ Văn K : Luật sư Võ Tuấn A - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Bệnh viện đa khoa huyện Tháp Mười;

Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Ngọc Di , chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Đ , chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt).

Người làm chứng:

1. Võ Văn K , sinh năm 1968 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
2. Trương Thị Tuyết M , sinh năm 1980 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
3. Dương Thành N1, sinh năm 1959 (có mặt).
Nơi cư trú: phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
4. Nguyễn Văn B , sinh năm 1966 (có mặt).
Nơi cư trú: thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
5. Nguyễn Thị M1 , sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
6. Nguyễn Thị Trúc M2, sinh năm 1984 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
7. Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
8. Hồ Nguyễn N , sinh năm 1992 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
9. Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
10. Hồ Diễm T2, sinh năm 1995 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
11. Dương Văn S , sinh năm 1978 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
12. Hứa Thị M3 , sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
13. Nguyễn Thị Huyền V , sinh năm: 1982 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
14. Phạm Thị Cẩm T 3, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
15. Đoàn Đức T 4, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
16. Nguyễn Thị Mộng H , sinh năm 1959 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

17. Đoàn Thị H , sinh năm 1958 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
18. Trần Thị Lan C 1, sinh năm 1963 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
19. Nhị Thị Kim C 2, sinh năm 1965 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
20. Lê Thị Mỹ H 2, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
21. Lê Quang B 1, sinh năm 1977 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
22. Võ Hữu T 4, sinh năm 1965 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
23. Nguyễn Văn N , sinh năm 1968 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
24. Nguyễn Văn K 1, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
25. Nguyễn Văn H 3, sinh năm 1964 (có mặt).
Nơi cư trú: huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười được thành lập theo Quyết định số 118/QĐ.UB.TL ngày 05/9/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, thuộc Sở Y tế, được Sở Y tế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Bệnh viện hoạt động từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu viện phí. Trong đó, nguồn thu viện phí là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Pháp lệnh về phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngày 27/4/2005, Dương Thành N1 được bổ nhiệm làm Giám đốc Bệnh viện; ngày 20/9/2007, Võ Văn K1 được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Tài chính Kế toán; ngày 31/10/2008, Trương Thị Tuyết M được bổ nhiệm làm Kế toán viên, công việc cụ thể là kế toán thanh toán, tổng hợp; ngày 30/5/2007, Hồ Văn K được phân công làm Thủ quỹ. Quá trình thực thi nhiệm vụ được phân công, Hồ Văn K đã lợi dụng

chức vụ, quyền hạn được phân công để chiếm đoạt tiền của Bệnh viện, hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Lần 1: Ngày 29/12/2008, do quỹ tiền lương chưa được cấp nên Võ Văn K1 yêu cầu Trương Thị Tuyết M dùng quỹ bảo hiểm y tế để chi lương. Thực hiện chỉ đạo của K1, M lập phiếu chi số 1117 ngày 29/12/2008, nội dung chi tiền lương tháng 11 năm 2008, số tiền là 320.732.190 đồng và lập phiếu chi thứ hai số 1128 ngày 29/12/2008, nội dung chi tiền lương tháng 12 năm 2008, số tiền là 324.811.350 đồng. Sau khi lập phiếu chi xong, M trình cho K1 và N1 ký, sau đó chuyển cho K để K thực hiện. K căn cứ vào phiếu chi và bảng lương do chị Nguyễn Thị Lệ T1 lập để chi lương cho công chức, viên chức và nhân viên lao động của Bệnh viện và đã hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2008 hai khoản chi này.

Ngày 20/01/2009, quỹ tiền lương được cấp nên M làm giấy rút dự toán ngân sách để rút tiền lương tháng 11, tháng 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009, trình cho K1 và N1 ký. Sau đó, M chuyển giấy rút dự toán cho K để K đến kho bạc rút số tiền 910.529.327 đồng. Nếu thực hiện đúng quy định, M phải làm thủ tục chuyển số tiền lương tháng 11 và tháng 12 năm 2008 trả về quỹ bảo hiểm y tế. Nhưng do thiếu trách nhiệm trong kiểm tra chứng từ nên M tiếp tục lập phiếu chi số 120 ngày 28/02/2009, với nội dung chi tiền lương tháng 11, tháng 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009, với tổng số tiền là 910.529.327 đồng. Sau đó, M trình cho K1 và N1 ký, rồi chuyển cho K để thực hiện. Vì lương tháng 11 và tháng 12 năm 2008 đã chi rồi nên K chỉ chi lương tháng 01 năm 2009, còn lại lương tháng 11 và tháng 12 năm 2008 là 587.424.647 đồng, K giữ lại sử dụng vào mục đích cá nhân, nhưng vẫn hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2009.

Lần 2: Đến tháng 12 năm 2009, K1 tiếp tục yêu cầu M tạm ứng quỹ bảo hiểm y tế để chi trả lương cho công chức, viên chức và nhân viên lao động của Bệnh viện khi quỹ lương chưa được cấp. M lên phiếu chi số 1063 ngày 24/12/2009, nội dung chi tiền lương tháng 12 năm 2009, số tiền là 419.041.675 đồng. Sau khi lập phiếu chi xong, M trình cho K1 và N1 ký rồi chuyển cho K thực hiện. K thực hiện chi lương tháng 12 năm 2009 và hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2009.

Ngày 25/01/2010, M làm giấy rút dự toán ngân sách để rút lương tháng 12 năm 2009 và tháng 01 năm 2010, trình cho K1 và N1 ký, rồi chuyển cho K để K đến kho bạc rút tiền. Nếu thực hiện đúng quy định, M phải làm thủ tục chuyển số tiền lương tháng 12 năm 2009 trả về quỹ bảo hiểm y tế. Nhưng do thiếu trách nhiệm trong kiểm tra chứng từ nên M tiếp tục lập phiếu chi số 191 ngày 28/02/2010, với nội dung chi tiền lương tháng 12 năm 2009 và tháng 01 năm 2010, với tổng số tiền là 808.208.061 đồng. Sau đó, M trình cho K1 và N1 ký, rồi chuyển cho K để thực hiện. Vì lương tháng 12 năm 2009 đã chi rồi nên K chỉ chi lương tháng 01 năm 2010, còn lại lương tháng 12 năm 2009 là 344.488.311 đồng, K giữ lại sử dụng vào mục đích cá nhân, nhưng vẫn hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2010.

Lần 3: Ngày 31/3/2009, M lập phiếu chi số 246 ngày 31/3/2009, nội dung chi tiền thu nhập tăng thêm tháng 01 và tháng 02 năm 2009, số tiền là 222.840.786 đồng. Số tiền này, K chi đúng cho công chức, viên chức và nhân viên lao động trong Bệnh viện và hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2009. Nhưng đến ngày 31/12/2009, do thiếu trách nhiệm trong kiểm tra chứng từ nên M lại tiếp tục lập phiếu chi số 1080 và phiếu chi số 1081, nội dung chi tiền thu nhập tăng thêm tháng 01 và tháng 02 năm 2009, với tổng số tiền là 222.761.586 đồng. Sau khi lập phiếu chi xong, M trình cho K1 và N1 ký, rồi chuyển cho K thực hiện. Do số tiền này đã chi rồi nên K giữ lại sử dụng cá nhân, nhưng vẫn hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt năm 2009.

Lần 4: Ngoài chiếm đoạt tiền lương và thu nhập tăng thêm đã nêu, K còn thực hiện hành vi quyết toán số tiền lớn hơn chứng từ gốc để chiếm đoạt tiền của đơn vị, cụ thể như sau: Ngày 08/12/2008, K hạch toán phiếu chi số 1037, với nội dung mua nhiên liệu 162.150.000 đồng vào sổ quỹ tiền mặt do ông Nguyễn Việt T5 là Phó Giám đốc Bệnh viện ký duyệt theo sự phân công miệng của Dương Thành N1. Qua kiểm tra phát hiện, chứng từ gốc của phiếu chi số 1037 chỉ có 5.489.650 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2008 K có chi mua hàng hóa cho Bệnh viện 29.617.340 đồng, nhưng không hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt. Như vậy, trừ đi số tiền của chứng từ gốc phiếu số 1037 và số tiền mua hàng hóa cho đơn vị nhưng không hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt, K đã chiếm đoạt tiền của bệnh viện 127.043.010 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Hồ Văn K tham ô là: 1.281.717.554 đồng.

Với hành vi nêu trên, ngày 16/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên phạt Hồ Văn K 20 năm tù về tội “Tham ô tài sản”; Dương Thành N1 03 năm 06 tháng tù, Võ Văn K1 02 năm 06 tháng tù, Trương Thị Tuyết M 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Sau khi bị kết án, Hồ Văn K kháng cáo kêu oan.

Bản án hình sự phúc thẩm số 211/2018/HS-PT ngày 13/4/2018 của Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm vừa nêu và nhận định như sau:

Về hành vi hạch toán không đúng với chứng từ gốc tháng 12/2008 xác định bị cáo Hồ Văn K tham ô 127.043.000 đồng.

Riêng số tiền chi trùng lương và thu nhập tăng thêm bị cáo cho rằng chi cho hoạt động của đơn vị theo chỉ đạo của lãnh đạo bệnh viện nên cần làm rõ bị cáo chiếm đoạt bao nhiêu trong số tiền này ? Số tiền chi trùng lương và thu nhập tăng thêm có chi vào số tiền 1.802.892.000 đồng thưởng tết cho công chức, viên chức của bệnh viện trong các năm 2010, 2011 hay không ? Số tiền mà Khởi nộp vào tài khoản ngân hàng 150.000.000 đồng vào các ngày 04/11/2010, 05/11/2010 là tiền gì ?

Kết quả điều tra lại xác định được như sau:

- Số tiền 1.154.674.544 đồng chi trùng lương và thu nhập tăng thêm không có chi vào mục đích thưởng lễ, tết trong các năm 2010, 2011, vì:

+ Số tiền chi thưởng 1.802.892.000 đồng chưa nhập vào quỹ tiền mặt, còn số tiền chi trùng lương và thu nhập tăng thêm đã hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt.

+ Số tiền chi trùng lương và thu nhập tăng thêm không cùng thời điểm với chi thưởng, vì: Việc chi trùng lương, thu nhập tăng thêm chỉ có 01 lần diễn ra vào tháng 01 năm 2010, còn các lần khác đều xảy ra vào năm 2009. Trong khi chi thưởng là sau tháng 01 năm 2010 và 2011.

+ Lời khai của Võ Văn K1, Trương Thị Tuyết M và Dương Thành N1 xác định: Do sơ xuất nên không biết đã làm thủ tục chi trùng lương và thu nhập tăng thêm, mặt khác số tiền này đã hạch toán vào sổ quỹ tiền mặt nên không thể dùng số tiền này chi vào mục đích khác. Từ đó cho thấy lời khai của Hồ Văn K cho rằng có dùng số tiền này chi cho hoạt động của đơn vị theo chỉ đạo của lãnh đạo bệnh viện là không có cơ sở, vì K không có tài liệu gì để chứng minh.

- Số tiền mà K nộp vào tài khoản ngân hàng 155.000.000 đồng vào các ngày 04/11/2010, 05/11/2010 là tiền của bệnh viện. Vì, theo quy định của tài chính thì hoạt động thu chi phải được cân đối giữa nguồn thu và nguồn chi. Nếu K nộp tiền của K thì trong tài khoản ngân hàng khi kiểm tra, đối chiếu sẽ thừa ra số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/10/2018, bà Nguyễn Thị Á C là vợ của Hồ Văn K đã nộp cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại cáo trạng số 20/CT - VKS ngày 22/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Hồ Văn K về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Hồ Văn K mức hình phạt tù từ 16 năm đến 17 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đề nghị Tòa tuyên như phần nội dung quyết định bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn K 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hồ Văn K nộp lại số tiền 1.281.717.554 đồng cho Bệnh viện đa khoa Khu vực Tháp Mười nhưng trừ 3.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 014579 ngày 10/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bị cáo K còn phải nộp tiếp số tiền 1.278.717.554 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/12/2018 bị cáo Hồ Văn K kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đơn kháng cáo của bị cáo và các thủ tục tố tụng khác đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị cáo K là thủ quỹ Bệnh viện đa khoa huyện Tháp Mười, bị cáo lợi dụng sự thiếu trách nhiệm của lãnh đạo bệnh viện để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo kháng cáo kêu oan không chấp nhận chi lương và thu nhập tăng thêm. Tuy nhiên qua quá trình điều tra xác định bị cáo K 3 lần tham ô của Bệnh viện đã được kết luận và chi trùng lương. Lần 4 bị cáo quyết toán cao hơn số tiền chứng từ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo K giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Võ Tuấn A – Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Tham ô tài sản” với số tiền 1.281.717.554 đồng. Bị cáo kháng cáo hủy một phần bản án để điều tra lại số tiền 1.154.674.544 đồng. Khoản tiền 1.802.892.000 đồng là có thật nhưng chi từ nguồn tiền nào thì kết luận giám định tài chính không thể hiện. Bị cáo bị xét xử về tội tham ô tài sản có liên quan đến khoản tiền 1.154.674.544 đồng (kết luận giám định ngày 09/6/2016). Bị cáo khai số tiền này thuộc khoản tiền 1.802.892.000 đồng. Khởi hạ quỹ 1.154.074.544 đồng, K không chiếm đoạt mà chỉ khen thưởng năm 2010, số tiền còn lại cùng với số tiền chưa nhập quỹ tiền mặt K chỉ cho năm 2011. Trong quá trình điều tra, Võ Văn K1 khai nguồn tiền 1.8 tỷ là số tiền trích nhập lập quỹ của đơn vị được rút về từ kho bạc, ngân hàng nhưng do kế toán không lập phiếu thu nên vì lý do nào đó số tiền nằm ngoài sổ sách nên dẫn đến số tiền 1.802.892.000 đồng chưa nhập quỹ. Tại phiên tòa người làm chứng là ông Nguyễn Văn B và Dương Văn S thừa nhận khoản tiền 1.154.674.544 đồng và khoản tiền 1.802.892.000 đồng là một chứ không phải hai khoản khác nhau, có liên quan đến nhau. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm kế toán Trương Thị Tuyết M và bị cáo K xác nhận các chứng từ chi trùng lương và thu nhập tăng thêm, sau khi hạ quỹ M giữ các chứng từ này cho đến khi có thanh tra mới phát hiện. Việc photo danh sách nhận tiền đính kèm chứng từ chi trùng giữa M và bị cáo K khai không thừa

nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tách thành 02 vụ án là vụ Hồ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản” với số tiền 1.154.674.544 đồng và vụ Võ Văn K1, Trương Thị Tuyết M phạm tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” đối với khoản tiền 5.088.534.585 đồng đều có liên quan đến khoản tiền 1.802.892.000 đồng chưa được giám định. Cấp sơ thẩm lại tự trừ ra trước khi truy tố trong khi số tiền được giám định thiệt hại là 6.891.426.585 đồng. Số tiền 1.154.674.544 đồng chưa được điều tra, giám định trong vụ án tham ô tài sản có liên quan hay không đối với số tiền 1.802.892.000 đồng? Vì vậy, chưa đủ căn cứ xét xử bị cáo K tội tham ô tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên hủy bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp điều tra lại theo thủ tục chung.

Bị cáo bổ sung Hồ Văn K trình bày: Thống nhất với ý kiến tranh luận của người bào chữa. Bị cáo tranh luận bổ sung số tiền 155.000.000 đồng bị cáo nộp ngân hàng nhưng kế toán không đưa vào.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười được thành lập theo Quyết định số 118/QĐ.UB.TL ngày 05/9/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, thuộc Sở Y tế, được Sở Y tế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Bệnh viện hoạt động từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu viện phí.

[2] Dương Thành N1 là giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười từ 21/5/2005 – 31/12/2014, Võ Văn K1 là kế toán trưởng, Trương Thị Tuyết M là kế toán thanh toán và Hồ Văn K là thủ quỹ.

[3] Hồ Văn K thừa nhận, quá trình thực thi nhiệm vụ được phân công, từ ngày 29/12/2008 đến ngày 31/12/2009, trên cơ sở các phiếu chi do Trương Thị Tuyết M lập bị trùng với các khoản đã chi và đã hạch toán các khoản chi này vào hệ thống sổ sách tài chính của Bệnh viện, trong đó có sổ quỹ tiền mặt, nhưng Hồ Văn K đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được phân công vẫn đưa các phiếu chi này vào chi không thêm một lần nữa các khoản gồm: Chi lương tháng 11, tháng 12 năm 2008 số tiền 587.424.647 đồng; chi lương tháng 12 năm 2009, số tiền là 344.488.311 đồng; chi tiền thu nhập tăng thêm tháng 01 và tháng 02 năm 2009, với tổng số tiền là 222.761.586 đồng; quyết toán số tiền lớn hơn chứng từ gốc 127.043.010 đồng. Tổng cộng là 1.281.717.544đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử tuyên bố Hồ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản” và chiếm đoạt số tiền 1.281.717.544 đồng.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Văn K chỉ thừa nhận hành vi tham ô ở lần quyết toán số tiền lớn hơn chứng từ gốc để chiếm đoạt 127.043.010 đồng, còn lại số tiền 1.154.674.544 đồng bị cáo đã dùng để chi thưởng cho các bộ cơ quan trong khoản tiền 1.802.892.000. Ngoài ra, bị cáo còn nộp vào tài khoản ngân hàng 155.000.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K xác định bị cáo chính là người trực tiếp chi số tiền 1.802.892.000đ cho các cán bộ của bệnh viện. Tuy nhiên, Võ Văn K1 và Trương Thị Tuyết M lại cho rằng số tiền 1.802.892.000đ này là khoản tiền trong số tiền đề ngoài sổ sách 5.088.534.585 mà K1 và M đã làm thất thoát của Bệnh viện. Nhưng chính K1 lại thừa nhận tại số tiền này do K chi và xác nhận vào bản tường trình ngày 10/3/2016 “*Tiền thưởng tết năm 2010, 2011 cho cho CB. CNVC với số tiền là 1.802.892.000 đồng kế toán chưa chi cho tôi (Hồ Văn K) để hạ quỹ*”. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Dương Văn S đều khai số tiền 1.154.074.544 đồng và 1.802.892.000 đồng là một và có liên quan với nhau chứ không phải hai khoản khác nhau. Trong quá trình điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền đề ngoài sổ sách 5.088.534.585 nêu trên thì ai là người trực tiếp quản lý; chưa làm rõ chứng cứ xác định K đã nhận số tiền 1.802.892.000đ đề ngoài sổ sách từ ai để chi thưởng cho các bộ, công chức, từ đó mới xác định được lời khai của K là có căn cứ hay lời khai của K1 và M là có căn cứ để có đường lối xét xử vụ án đúng đắn.

[6] Ngoài ra, qua xem xét sổ quỹ tiền mặt tháng 03/2009 trong hồ sơ vụ án có nội dung khoản “*Chi phí khác 3.524.000đ*” và khoản “*chi mua hàng hoá, vật tư 270.069.062đ*”, nhưng lại hạch toán vào khoản thu. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này là như thế nào. Vì nếu đúng là khoản chi mà hạch toán vào khoản thu thì số liệu thu sẽ đội không lên và khi giải quyết vụ án phải trừ đi trong khoản tiền mà K đã lập chi không, còn nếu nội dung ghi nhầm lẫn thì cũng phải làm rõ lý do nhầm lẫn để xác định chính xác bút toán này.

[7] Như đã nhận định ở phần trên, khoản tiền 1.154.074.544 đồng trong vụ án này có dấu hiệu liên quan đến khoản tiền 1.802.892.000 đồng trong vụ án đang được giải quyết đối với các bị cáo Võ Văn K1, Trương Thị Tuyết M, Dương Thành N1 bị truy tố về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” chưa được làm rõ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tách thành 2 vụ án để giải quyết gồm vụ án Hồ Văn K về tội “Tham ô tài sản” và vụ án Võ Văn K1, Trương Thị Tuyết M, Dương Thành N1 về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là không đúng. Do đó cần nhập 02 vụ án lại thành 01 vụ án để giải quyết, có như thế mới đảm bảo việc xét xử được khách quan, toàn diện.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Tháp để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Văn Khởi;
2. Hủy Bản án sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
3. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Tháp để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.
4. Tiếp tục tạm giam bị cáo Hồ Văn K cho đến khi Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Tháp thụ lý lại hồ sơ vụ án.
5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hồ Văn K không phải chịu.
6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Lưu.

Vũ Ngọc Huynh